

KIỂM TRA HỌC KÌ II		
NĂM HỌC 2025 - 2026		
MÔN KIỂM TRA: TOÁN - LỚP 6		
Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)		
Ngày kiểm tra:/...../.....		
ĐIỂM	Chữ ký Giám khảo	SỐ PHÁCH Do chủ tịch HĐ chấm thi ghi
MÃ ĐỀ: A	SỐ TỜ:	

Số phách
(Do Hội đồng thi ghi)

KIỂM TRA
NĂM HỌC 20..... - 20.....
MÔN KIỂM TRA:
Họ và tên học sinh:
Lớp: Số báo danh:
Ngày sinh:
TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG

PHÒNG THI SỐ:

Chữ ký GT 1

Chữ ký GT 2

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Chọn phương án trả lời ở mỗi câu rồi ghi vào giấy bài làm. (Ví dụ câu 1 chọn phương án trả lời là C thì ghi C)

Câu 1: Trong các cách viết sau, cách viết nào **không** cho ta phân số?

- A. $\frac{-23}{-24}$. B. $\frac{16}{-7}$. C. $\frac{22}{0}$. D. $\frac{2}{1}$.

Câu 2: Cho $\frac{-15}{x} = \frac{3}{4}$. Khi đó giá trị của x là:

- A. 20. B. -20. C. 63. D. 57.

Câu 3: Hãy chọn cách so sánh đúng:

- A. $\frac{-2}{4} < \frac{-3}{4}$. B. $\frac{-4}{5} < \frac{-3}{5}$. C. $\frac{1}{4} < \frac{-3}{4}$. D. $\frac{-1}{6} < \frac{-5}{6}$.

Câu 4: Kết quả của phép tính $\frac{3}{4} \cdot \frac{4}{3}$ là

- A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 5: 20% của 10 bằng:

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 6: Phân số $\frac{-7}{4}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 2,5. B. -2,75. C. -2,25. D. -1,75.

Câu 7: Làm tròn số thập phân 81,2437 đến hàng phần trăm ta được số:

- A. 81,24. B. 81,25. C. 81,2. D. 81,243.

Câu 8: Phần nguyên của số thập phân 843,999 là:

- A. 999. B. 843. C. -843. D. -999.

Câu 9: Khi giáo viên yêu cầu chỉ ra các đơn vị đo độ dài. Bạn Hồng đưa ra các đơn vị sau: mm, m, kg, dm, km. Dữ liệu nào bạn Hồng đưa ra **không** hợp lí?

- A. mm. B. dm. C. kg. D. km.

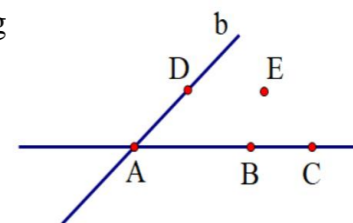
Câu 10: Cách làm nào là phù hợp khi muốn thu thập dữ liệu về cân nặng của các bạn trong lớp?

- A. Quan sát; B. Lập phiếu hỏi về cân nặng;
C. Lấy thông tin từ Internet; D. Đo chiều cao của mỗi bạn.

Câu 11: Quan sát hình bên. Điểm nào dưới đây thuộc đường thẳng

AB ?

- A. Điểm b ; B. Điểm C ;
C. Điểm D ; D. Điểm E .



Học sinh gấp giấy dọc theo đường kẻ này
